

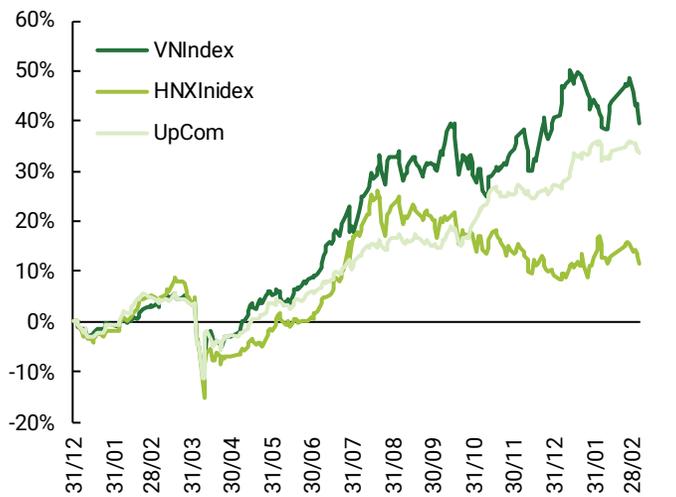
VN-Index **1767.84 (-2.25%)**
1102 Tr. cổ phiếu 33808.0 Tỷ VND (-4.81%)

HNX-Index **253.64 (-1.53%)**
106 Tr. cổ phiếu 2499.8 Tỷ VND (-34.76%)

UPCOM-Index **126.85 (-0.82%)**
82 Tr. cổ phiếu 972.4 Tỷ VND (-18.93%)

VN30F1M **1898.90 (-1.33%)**
354,758 HD OI: 32,091 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1767.8, giảm -40.7 điểm (-2.25%). Thanh khoản giảm với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc đỏ cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Lực cung tiếp tục chiếm ưu thế trong phiên chiều và chỉ số đã thất bại trong việc giữ vững ngưỡng tâm lý 1800 điểm. Tâm lý thận trọng gia tăng trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị Mỹ - Iran còn phức tạp. Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Dầu khí: PVD (+0.1%), BSR (+4.1%) | Bảo hiểm: BVH (+0.8%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Dịch vụ tài chính: TCX (-7.0%), VCI (-6.2%), SSI (-6.0%) | Bất động sản: VIC (-5.0%), KDH (-3.9%), SZC (-3.5%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: VOS (-7.0%), VSC (-5.3%), TV2 (-4.6%) | Tiện ích: GAS (-6.3%), POW (-4.0%) | Ngân hàng: TCB (-2.3%), VAB (-1.9%), BID (-1.9%).
Tác động chỉ số: Chiều tăng | BSR, VPL, DCM, PVT, DGC - Chiều giảm | VIC, GAS, GVR, MCH, TCX
Khối ngoại Bán ròng hơn 1300 tỷ, tập trung nhiều ở FPT, SSI, VIC, trong khi mua ròng BSR, DCM, MWG.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với nền giảm Marubozu, phủ định hoàn toàn đà phục hồi trước đó cho thấy lực cung chiếm ưu thế hoàn toàn. Thanh khoản cũng giảm hàm ý lực cầu bắt đáy thận trọng và hạ nhiệt so với các phiên trước. Các chỉ báo kỹ thuật tiếp tục suy yếu phản ánh áp lực điều chỉnh đang chi phối. Trước tình hình căng thẳng địa chính trị còn diễn biến phức tạp, kịch bản phòng thủ nên được ưu tiên. Chỉ số khả năng lùi về kiểm định lại vùng đáy cũ trước đó, quanh khu vực 1740 điểm. Nếu mốc này bị xuyên thủng, không loại trừ khả năng VN-Index tìm về ngưỡng 1700 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, lực cung đẩy chỉ số về dưới mốc hỗ trợ MA50 ngày, cho thấy áp lực điều chỉnh đang chiếm ưu thế. Hiện mốc hỗ trợ gần quanh ngưỡng 252 và thấp hơn là khu vực đáy cũ 248.
- **Chiến lược:** Nhịp hồi nghiêng về cơ cấu danh mục, nên tận dụng đưa tài khoản về tỷ lệ an toàn. Hạn chế hưng phấn trước các dấu hiệu bật tăng chưa rõ ràng. Dòng tiền đang phân hóa mạnh, NĐT cần theo dõi sát diễn biến ở từng cổ phiếu để hành động phù hợp. Trường hợp xuất hiện mã vi phạm xu hướng nên giảm tỷ trọng dứt khoát. Ngược lại, các cổ phiếu điều chỉnh nhưng vẫn giữ được nền giá hoặc hỗ trợ mạnh có thể tiếp tục nắm giữ. Các nhóm ngành nổi bật: Dầu khí, Hóa chất, Vận tải, Tiện ích.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Chốt lời DRI – Cắt lỗ TPB (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

| Chỉ số | Giá đóng cửa | % Thay đổi | | | Giá trị giao dịch (Tỷ VND) | % Biến động giá trị giao dịch so với | | | Khối lượng giao dịch (Triệu CP) | % Biến động khối lượng giao dịch so với | | |
|-----------------------------|--------------|------------|--------|--------|----------------------------|--------------------------------------|--------------------|---------------------|---------------------------------|---|--------------------|---------------------|
| | | (%) 1D | (%) 1W | (%) 1M | | 01 phiên trước | Trung bình 01 tuần | Trung bình 01 tháng | | 01 phiên trước | Trung bình 01 tuần | Trung bình 01 tháng |
| Theo chỉ số | | | | | | | | | | | | |
| VN-Index | 1,767.8 ▼ | -2.25% | -6.0% | 0.7% | 33,808.0 ▼ | -4.8% | 12.4% | -4.9% | 1,102.2 ▼ | -7.4% | 18.7% | -3.6% |
| HNX-Index | 253.6 ▼ | -1.53% | -3.5% | -1.0% | 2,499.8 ▼ | -34.8% | 21.9% | -2.1% | 105.9 ▼ | -29.2% | 13.3% | -3.2% |
| UPCOM-Index | 126.9 ▼ | -0.82% | -1.9% | 1.1% | 972.4 ▼ | -18.9% | -43.2% | -36.8% | 82.5 ▲ | 42.4% | -28.2% | -5.8% |
| VN30 | 1,904.2 ▼ | -2.0% | -7.6% | -2.0% | 18,727.3 ▲ | 5.0% | 23.5% | -11.1% | 458.3 ▲ | 2.9% | 27.2% | -13.4% |
| VNMID | 2,200.8 ▼ | -1.1% | -4.3% | 2.2% | 12,279.7 ▼ | -12.2% | 3.1% | 3.1% | 452.1 ▼ | -15.1% | 2.9% | -6.5% |
| VNSML | 1,467.8 ▼ | -1.2% | -3.3% | -0.3% | 1,650.0 ▼ | -18.2% | 0.7% | -5.9% | 94.3 ▼ | -13.8% | 1.9% | -10.2% |
| Theo ngành (VNIndex) | | | | | | | | | | | | |
| Ngân hàng | 635.5 ▼ | -1.3% | -5.90% | -4.8% | 6,493.4 ▲ | 2.77% | -26.6% | 12.8% | 251.9 ▲ | 4.8% | -24.0% | 14.4% |
| Bất động sản | 734.7 ▼ | -3.3% | -5.2% | 12.7% | 4,839.5 ▲ | 20.4% | -3.0% | 80.6% | 135.6 ▼ | -3.1% | -22.4% | 48.1% |
| Dịch vụ tài chính | 326.5 ▼ | -4.9% | 0.5% | 7.7% | 5,761.9 ▼ | -30.7% | -12.1% | 100.8% | 216.0 ▼ | -28.8% | -8.3% | 101.4% |
| Công nghiệp | 269.8 ▼ | -0.5% | -2.8% | 3.1% | 2,293.7 ▼ | -6.3% | -24.1% | 69.2% | 70.7 ▼ | -1.2% | -13.8% | 90.6% |
| Tài nguyên cơ bản | 535.2 ▼ | -0.1% | -7.2% | -1.5% | 1,431.0 ▼ | -7.3% | -33.2% | 12.9% | 59.0 ▼ | -5.1% | -30.2% | 18.6% |
| Xây dựng - Vật Liệu | 179.0 ▼ | -1.3% | -4.7% | 1.4% | 1,300.7 ▼ | -29.9% | -37.4% | 30.5% | 57.4 ▼ | -23.2% | -33.4% | 38.2% |
| Thực phẩm | 507.0 ▼ | -2.6% | -11.8% | -27.3% | 1,678.5 ▬ | 0.3% | -34.1% | 8.6% | 38.8 ▲ | 10.6% | -29.5% | 20.3% |
| Bán Lẻ | 1,535.7 ▼ | -3.2% | -8.3% | -5.4% | 1,478.5 ▲ | 9.3% | -7.6% | 66.3% | 19.7 ▲ | 11.3% | -9.3% | 65.7% |
| Công nghệ | 439.7 ▼ | -3.1% | -6.7% | -14.2% | 2,181.7 ▲ | 43.8% | 18.7% | 84.3% | 27.7 ▲ | 43.4% | 15.5% | 93.1% |
| Hóa chất | 208.0 ▼ | -3.6% | 2.3% | 6.4% | 1,824.4 ▲ | 9.7% | -19.9% | 81.9% | 43.9 ▲ | 2.1% | -22.6% | 73.7% |
| Tiện ích | 931.4 ▼ | -4.6% | 9.1% | 6.8% | 1,470.7 ▲ | 8.2% | -15.5% | 113.2% | 48.0 ▲ | 2.7% | -32.3% | 87.8% |
| Dầu khí | 154.7 ▲ | 1.4% | 16.4% | 33.1% | 1,959.4 ▼ | -17.3% | -12.8% | 81.5% | 43.3 ▼ | -18.9% | -16.3% | 50.0% |
| Dược phẩm | 447.9 ▼ | -0.1% | -1.4% | -0.7% | 37.3 ▲ | 41.3% | 4.4% | 8.3% | 1.5 ▲ | 33.9% | -8.9% | 41.8% |
| Bảo hiểm | 118.0 ▬ | 0.4% | -8.2% | -5.0% | 82.8 ▲ | 25.6% | -11.6% | 34.0% | 1.5 ▲ | 3.1% | -28.1% | 12.2% |

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

| Chỉ số | Thị trường | Giá đóng cửa | % Thay đổi giá | | Chỉ số định giá | |
|---------------------|-------------|--------------|----------------|--------|-----------------|------|
| | | | 1 ngày | YTD | P/E | P/B |
| VN-Index | Việt Nam | 1,767.8 ▼ | -2.25% | -0.9% | 16.3x | 2.2x |
| SET-Index | Thái Lan | 1,410 ▼ | -0.49% | 12.0% | 16.1x | 1.4x |
| JCI-Index | Indonesia | 7,586 ▼ | -1.62% | -12.3% | 19.3x | 2.0x |
| FTSE Bursa Malaysia | Malaysia | 12,527 ▬ | 0.08% | 1.8% | 16.6x | 1.5x |
| PSEi Index | Phillipines | 6,320 ▼ | -0.94% | 4.4% | 10.8x | 1.3x |
| Shanghai Composite | Trung Quốc | 4,124 ▬ | 0.38% | 3.9% | 19.6x | 1.6x |
| Hang Seng | Hồng Kông | 25,757 ▲ | 1.72% | 0.5% | 12.9x | 1.4x |
| Nikkei 225 | Nhật Bản | 55,621 ▬ | 0.62% | 10.5% | 21.8x | 2.7x |
| S&P 500 | Mỹ | 6,831 ▼ | -0.56% | -0.2% | 26.7x | 5.3x |
| Dow Jones | Mỹ | 47,955 ▼ | -1.61% | -0.2% | 23.8x | 5.5x |
| FTSE 100 | Anh | 10,418 ▬ | 0.03% | 4.9% | 16.2x | 2.3x |
| Euro Stoxx 50 | Châu Âu | 5,763 ▼ | -0.34% | -0.5% | 17.3x | 2.4x |
| DXY | | 99.2 ▬ | 0.48% | 0.9% | | |
| USDVND | | 26,225 ▬ | 0.14% | -0.3% | | |

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

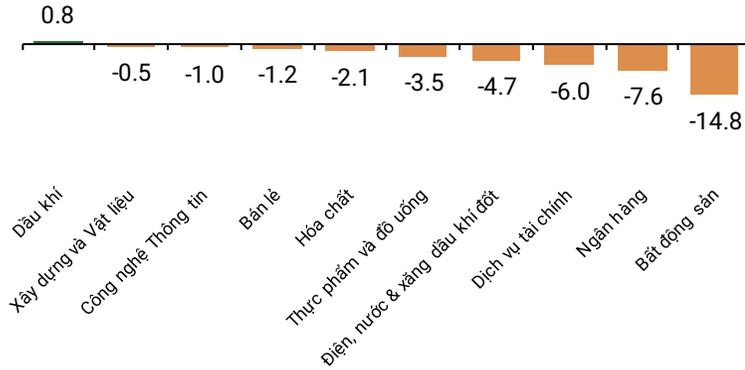
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

| Giá/ Chỉ số hàng hóa | | % Thay đổi giá | | | |
|---------------------------|---|----------------|--------|--------|--------|
| | | 1D | 1M | % YTD | % YoY |
| Dầu Brent | ▲ | 7.3% | 28.4% | 43.6% | 25.8% |
| Dầu WTI | ▲ | 4.2% | 32.8% | 47.0% | 27.2% |
| Khí gas | ▲ | 1.2% | -11.2% | -17.6% | -29.4% |
| Than cốc (*) | ▼ | -3.5% | -3.5% | -3.5% | 2.2% |
| Thép HRC (*) | ▼ | -0.1% | -0.8% | -0.9% | -5.0% |
| PVC (*) | ▲ | 4.7% | 4.0% | 9.2% | 2.1% |
| Phân Urea (*) | ▲ | 8.5% | 33.5% | 58.9% | 59.9% |
| Cao su thiên nhiên | ▼ | -0.9% | 4.0% | 8.8% | -3.7% |
| Bông Cotton | ▲ | 1.4% | 3.2% | -1.9% | -1.4% |
| Đường | ▬ | 0.7% | -2.1% | -7.9% | -23.8% |
| World Container Index | ▲ | 3.1% | 0.0% | -11.5% | -22.9% |
| Baltic Dirty tanker Index | ▲ | 2.7% | 82.3% | 133.7% | 249.9% |
| Vàng | ▬ | 0.1% | 2.5% | 17.7% | 74.7% |
| Bạc | ▬ | 0.8% | 6.5% | 15.7% | 154.0% |

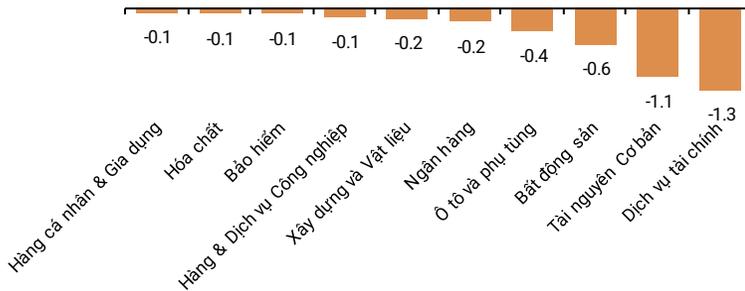
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

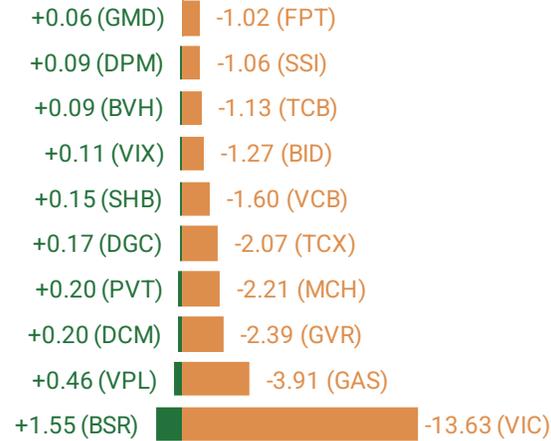
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



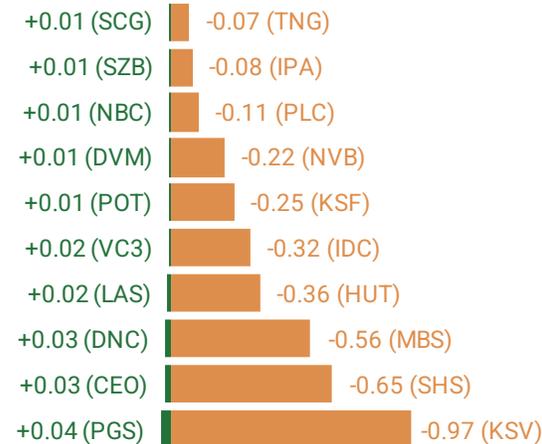
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

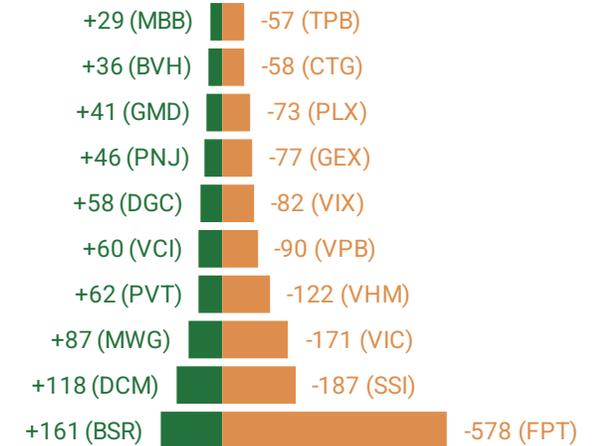


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

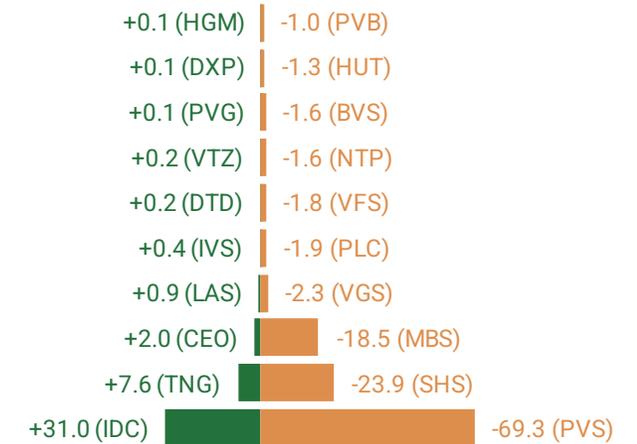


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

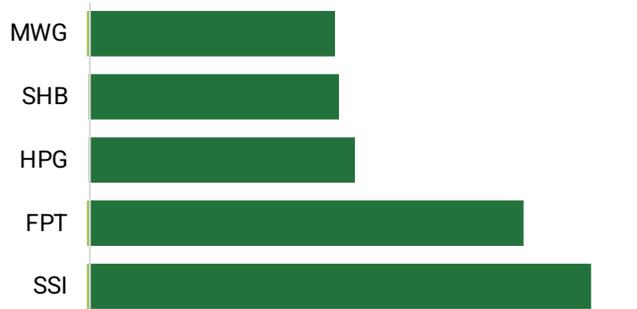
TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



| | SSI | FPT | HPG | SHB | MWG |
|---------|-------|-------|-------|-------|-------|
| %DoD | -6.0% | -3.3% | 0.0% | 1.0% | -2.9% |
| Giá trị | 2,282 | 1,969 | 1,204 | 1,136 | 1,111 |

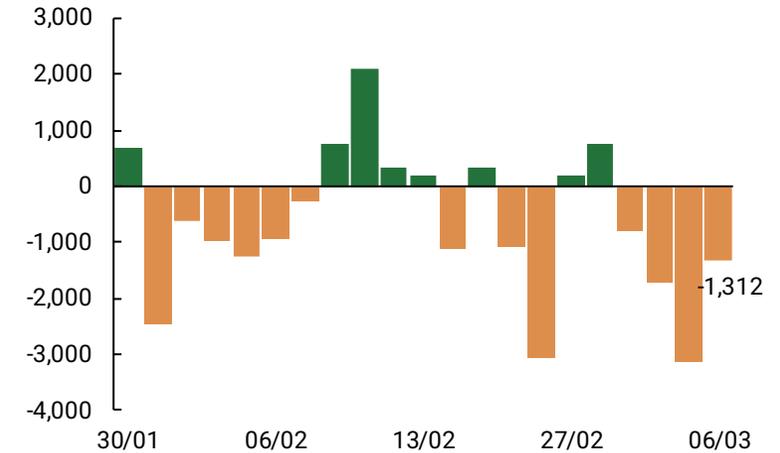
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



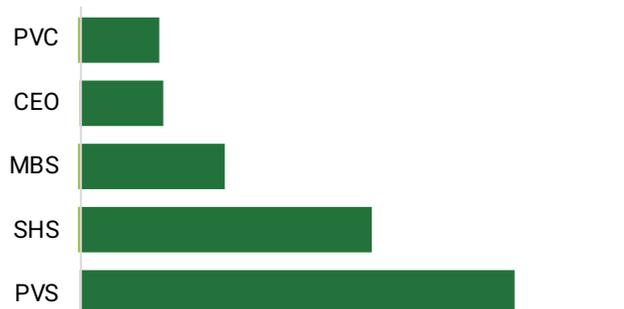
| | VIC | SJS | VPB | HDB | TDM |
|---------|-------|-------|-------|-------|------|
| %DoD | -5.0% | -1.5% | -1.3% | -0.2% | 0.3% |
| Giá trị | 1,046 | 629 | 309 | 197 | 192 |

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



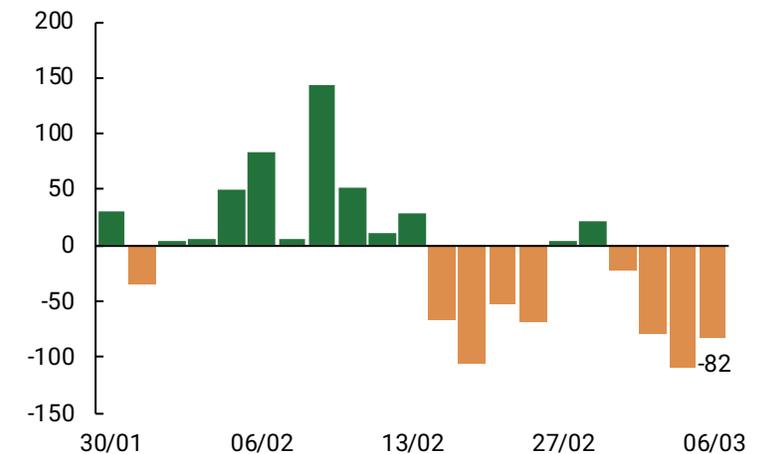
| | PVS | SHS | MBS | CEO | PVC |
|---------|------|-------|-------|------|-------|
| %DoD | 0.0% | -6.6% | -5.3% | 0.6% | -2.0% |
| Giá trị | 794 | 531 | 262 | 151 | 143 |

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



| | SHS | TIG | HUT | AAV | AAV |
|---------|-------|------|-------|-------|-------|
| %DoD | -6.6% | 0.0% | -3.8% | -4.5% | -4.5% |
| Giá trị | 35 | 15 | 2 | 0 | 0 |

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)



| STOCK | | STRATEGY | Technical | | | Financial Ratio | |
|-----------------|---------------------|--------------------|-------------------------|--------------------|-------------|------------------|--------|
| Ticker | DRI | TAKE PROFIT | Current price | 14.2 | | P/E (x) | 6.6 |
| Exchange | UPCoM | | Action price | 13.2 - 13.6 | | P/B (x) | 1.5 |
| Sector | Commodity Chemicals | | Take profit price (9/3) | 14.2 - 14.5 | 6.7% | EPS | 2167.7 |
| | | | | | | ROE | 24.7% |
| | | | | | | Stock Rating | A |
| | | | | | | Scale Market Cap | Medium |



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá biến động mạnh.
 - Chỉ báo MACD hạ nhiệt, trong khi RSI giảm mạnh từ vùng quá mua, hàm ý động lượng tăng chưa bền vững.
 - Phản ứng kiểm định vùng kháng cự gần 14.2 – 14.6 chưa thành công
 - Rủi ro thị trường: Căng thẳng địa chính trị Mỹ - Iran diễn biến phức tạp.
- ➔ Xu hướng có thể hạ nhiệt củng cố lại đà.
- ➔ Khuyến nghị Chốt lời, có thể tận dụng nhịp hồi trong phiên.

| STOCK | | STRATEGY | Technical | | | Financial Ratio | |
|----------|------------|-------------|---------------------|--------------|--------------|------------------|--------|
| Ticker | TPB | SELL | Current price | 16.85 | | P/E (x) | 6.3 |
| Exchange | HOSE | | Action price | 18 | | P/B (x) | 1.1 |
| Sector | Banks | | Selling price (9/3) | 17 | -5.6% | EPS | 2660.3 |
| | | | | | | ROE | 18.5% |
| | | | | | | Stock Rating | BBB |
| | | | | | | Scale Market Cap | Large |



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá vận động dưới MA20, MA50 ngày.
 - Chỉ báo MACD cắt xuống đường tín hiệu trong khi RSI cũng giảm về dưới mức trung bình, hàm ý động lượng tăng suy yếu.
 - Rủi ro giảm sâu hơn nếu giá đánh mất vùng đáy cũ.
 - Rủi ro thị trường: Căng thẳng địa chính trị Mỹ - Iran diễn biến phức tạp.
- ➔ Xu hướng tăng vi phạm.
➔ Khuyến nghị Cắt lỗ, có thể tận dụng nhịp hồi trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ thực hiện | Giá mục tiêu | LN kỳ vọng | Giá cắt lỗ | Rủi ro giảm | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|-----------------|--------------|------------|------------|-------------|---------|
| 1 | DRI | Chốt lời | 09/03/2026 | 14.2 | 14.2 – 14.5 | 6.70% | 16.0 | 19.4% | 12.4 | -7.5% | |
| 2 | TPB | Cắt lỗ | 09/03/2026 | 16.9 | 16.9 – 17.1 | -5.60% | 20.0 | 11.1% | 17 | -5.6% | |

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Ngày cập nhật khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN kỳ vọng | Giá cắt lỗ | Rủi ro giảm | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|---------------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|-------------|---------|
| 1 | DDV | Nắm giữ | 24/02/2026 | 02/03/2026 | 31.31 | 29.2 – 29.6 | 6.5% | 36.0 | 22.4% | 30.0 | 2.0% | |



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1898.9, giảm 25.5 điểm (-1.3%). Vận động rung lắc mạnh nhưng tâm lý thận trọng gia tăng về cuối phiên khiến lực cung thắng thế và đẩy giá lao dốc.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, xu hướng giảm vẫn đang chi phối. Dù vậy, chỉ báo RSI tiếp cận trở lại vùng quá bán có thể thúc đẩy nhịp hồi, chiều Short nên tận dụng phản ứng bật tăng sẽ tối ưu hơn. Theo đó, vị thế Short cần nhắc khi giá hồi và suy yếu dưới ngưỡng 1912, hoặc khi giá giá sập gãy ngưỡng 1895. Vị thế Long cần nhắc khi giá bứt phá và củng cố trên ngưỡng 1922. Lưu ý biến động mạnh vẫn còn.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1813, giảm 11.9 điểm (-0.7%). Độ lệch basis -4.6 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 47 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1800 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1830 điểm.

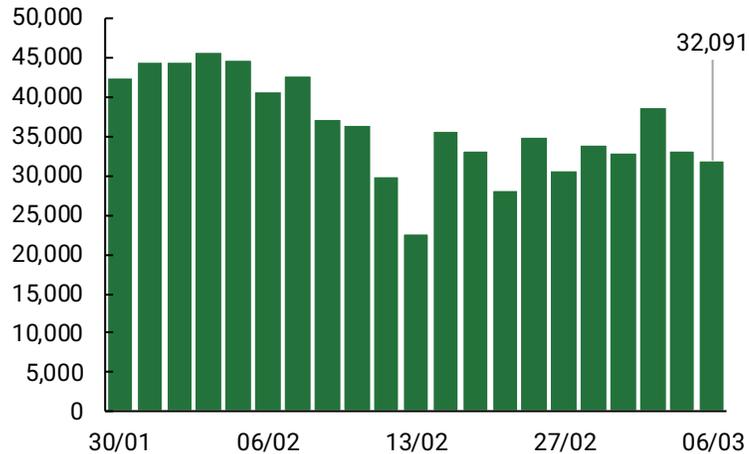
Chiến lược giao dịch trong ngày

| Vị thế | Điểm vào | Chốt lời | Cắt lỗ | Lợi nhuận/ Rủi ro |
|--------------|----------|----------|--------|----------------------|
| Short | < 1912 | 1899 | 1920 | 13 : 08 |
| Short | < 1895 | 1880 | 1905 | 15 : 10 |
| Long | > 1922 | 1938 | 1912 | 16 : 10 |

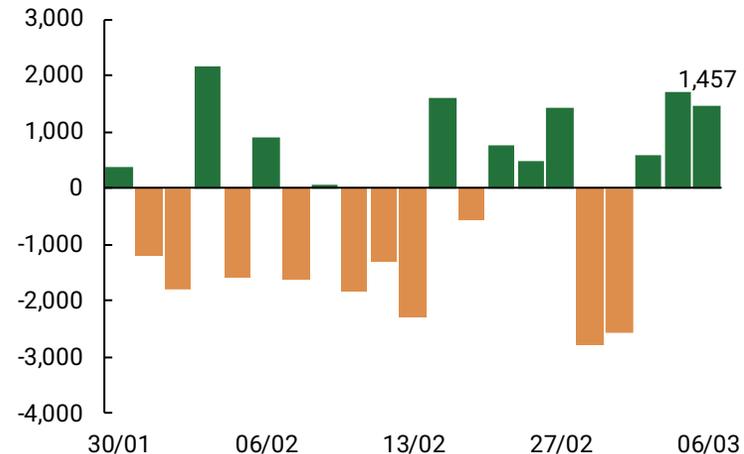
Thông kê hợp đồng tương lai

| Mã hợp đồng | Giá đóng cửa | Thay đổi (điểm) | KL giao dịch | KL Mở | Giá lý thuyết | Chênh lệch | Ngày thanh toán | Thời hạn còn lại (ngày) |
|-------------|--------------|-----------------|--------------|--------|---------------|------------|-----------------|-------------------------|
| 4111G9000 | 1,905.0 | -25.0 | 29 | 234 | 1,914.4 | -9.4 | 17/09/2026 | 195 |
| 4111G6000 | 1,911.0 | -22.7 | 59 | 390 | 1,909.6 | 1.4 | 18/06/2026 | 104 |
| 4111G4000 | 1,901.0 | -21.0 | 1,022 | 1,576 | 1,906.3 | -5.3 | 16/04/2026 | 41 |
| 4111G3000 | 1,898.9 | -25.5 | 354,758 | 32,091 | 1,904.9 | -6.0 | 19/03/2026 | 13 |
| 4112G3000 | 1,813.1 | -11.9 | 47 | 57 | 1,818.4 | -5.3 | 19/03/2026 | 13 |

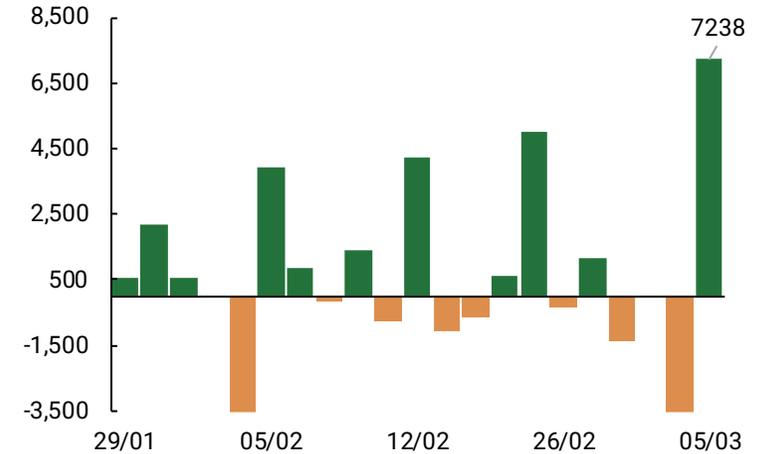
Khối lượng mở (Open interest)



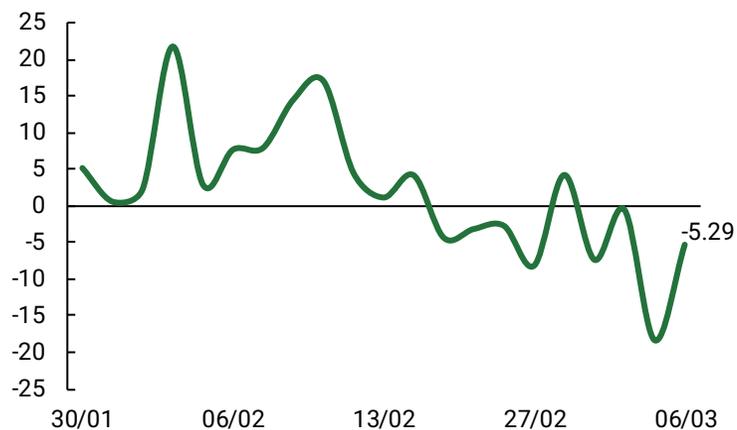
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



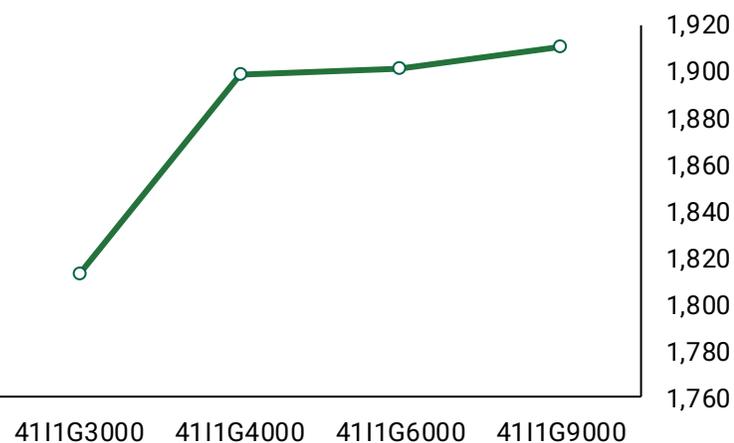
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



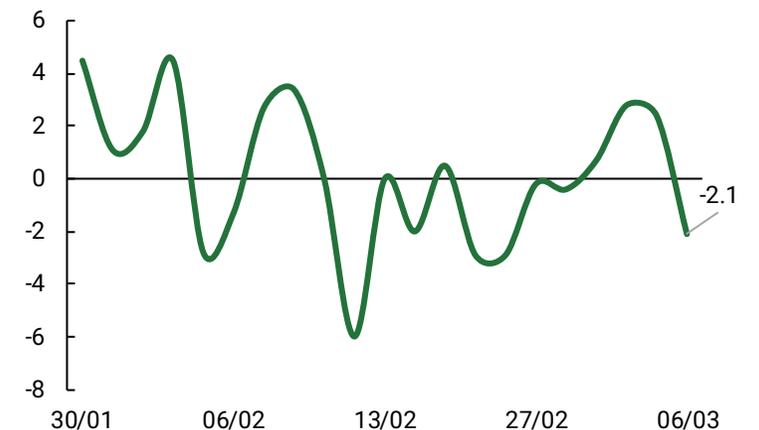
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/ Downside | Khuyến nghị |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| AST | 75,500 | 65,400 | -13.4% | Bán |
| BCM | 67,300 | 73,400 | 9.1% | Nắm giữ |
| CTG | 38,250 | 45,200 | 18.2% | Tăng tỷ trọng |
| CTD | 88,600 | 87,050 | -1.7% | Giảm tỷ trọng |
| CTI | 24,250 | 27,200 | 12.2% | Tăng tỷ trọng |
| DBD | 54,300 | 68,000 | 25.2% | Mua |
| DDV | 31,198 | 35,900 | 15.1% | Tăng tỷ trọng |
| DGC | 73,800 | 99,300 | 34.6% | Mua |
| DGW | 51,200 | 48,300 | -5.7% | Giảm tỷ trọng |
| DPG | 47,200 | 53,100 | 12.5% | Tăng tỷ trọng |
| DPR | 42,700 | 46,500 | 8.9% | Nắm giữ |
| DRI | 13,508 | 17,200 | 27.3% | Mua |
| EVF | 13,800 | 14,400 | 4.3% | Nắm giữ |
| FRT | 169,000 | 157,600 | -6.7% | Giảm tỷ trọng |
| GMD | 84,400 | 77,000 | -8.8% | Giảm tỷ trọng |
| HAH | 62,800 | 67,600 | 7.6% | Nắm giữ |
| HDG | 27,300 | 34,500 | 26.4% | Mua |
| HHV | 12,500 | 12,300 | -1.6% | Giảm tỷ trọng |
| HPG | 28,800 | 34,300 | 19.1% | Tăng tỷ trọng |
| IMP | 54,000 | 55,000 | 1.9% | Nắm giữ |
| KDH | 27,250 | 38,800 | 42.4% | Mua |

| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/ Downside | Khuyến nghị |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| MSH | 39,250 | 43,100 | 9.8% | Nắm giữ |
| MWG | 93,100 | 99,600 | 7.0% | Nắm giữ |
| NLG | 27,850 | 39,900 | 43.3% | Mua |
| NT2 | 27,750 | 27,700 | -0.2% | Giảm tỷ trọng |
| PHR | 63,100 | 72,800 | 15.4% | Tăng tỷ trọng |
| PNJ | 121,900 | 113,300 | -7.1% | Giảm tỷ trọng |
| PVS | 47,400 | 39,900 | -15.8% | Bán |
| PVT | 24,050 | 18,900 | -21.4% | Bán |
| SAB | 48,400 | 57,900 | 19.6% | Tăng tỷ trọng |
| SSI | 32,400 | 39,200 | 21.0% | Mua |
| TLG | 54,500 | 53,400 | -2.0% | Giảm tỷ trọng |
| TCB | 36,250 | 35,650 | -1.7% | Giảm tỷ trọng |
| TCM | 26,700 | 37,900 | 41.9% | Mua |
| TRC | 78,500 | 94,800 | 20.8% | Mua |
| VCB | 64,900 | 84,200 | 29.7% | Mua |
| VPB | 28,950 | 37,000 | 27.8% | Mua |
| VCG | 19,150 | 26,200 | 36.8% | Mua |
| VHC | 61,500 | 60,000 | -2.4% | Giảm tỷ trọng |
| VNM | 68,200 | 66,650 | -2.3% | Giảm tỷ trọng |
| VSC | 25,900 | 17,900 | -30.9% | Bán |

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

| | |
|-------|--|
| 02/03 | Vietnam & US – PMI Index |
| 06/03 | Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô |
| 09/03 | Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI |
| 11/03 | Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) Mỹ - Chỉ số PCE, ước tính GDP lần đầu |
| 13/03 | Việt Nam – VNM ETF công bố danh mục mới |
| 18/03 | Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI) Mỹ - FED quyết định lãi suất EU - ECB quyết định lãi suất |
| 19/03 | Nhật Bản – BOJ quyết định lãi suất Việt Nam – Đáo hạn phái sinh |
| 20/03 | Việt Nam - Quỹ ETF liên quan FTSE ETF & VNM ETF hoàn tất cơ cấu danh mục |
| 31/03 | Mỹ - Cơ hội việc làm và chỉ số niềm tin tiêu dùng |

THÔNG TIN VĨ MÔ

Giải ngân đầu tư công thấp, nhiều bộ ngành dưới 1%: Theo Bộ Tài chính, đến hết tháng 2/2026, giải ngân vốn đầu tư công đạt 55,739.8 tỷ đồng, tương đương 5.6% kế hoạch, trong đó 25 bộ, cơ quan và địa phương giải ngân dưới 1% hoặc chưa giải ngân, cho thấy tiến độ triển khai còn rất chậm ngay từ đầu năm.

Xuất nhập khẩu trong hai tháng đầu năm tăng 22%, nhập siêu gần 3 tỷ USD: Trong hai tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 155.7 tỷ USD, tăng 22.2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 18.3%; nhập khẩu tăng 26.3% . Cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 2.98 tỷ USD.

Xung đột Trung Đông gây gián đoạn chuỗi cung ứng dược phẩm toàn cầu: Nhiều hãng vận tải hàng không, trong đó có Emirates và Etihad Airways, buộc phải tạm dừng các chuyến bay chở hàng, làm gián đoạn vận chuyển thuốc, vaccine và nguyên liệu dược phẩm. Theo các chuyên gia logistics, việc đóng cửa không phận tại Các Tiểu vương quốc Arab Thống nhất (UAE) và đình chỉ hoạt động tại các đầu mối vận tải quan trọng như sân bay quốc tế Dubai, Al Maktoum và cảng Jebel Ali đã khiến chuỗi vận chuyển dược phẩm bị đình trệ.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

ACV - Chủ tịch Vũ Thế Phiệt bị bắt: Ngày 4/3/2026, Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam cho biết đã nhận được thông báo của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an về việc bắt tạm giam ông Vũ Thế Phiệt - Chủ tịch HĐQT và ông Nguyễn Tiến Việt - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc. Hai bị can bị điều tra về hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, nhận tiền để tạo điều kiện cho nhà thầu trúng thầu.

EVF đặt mục tiêu tăng trưởng tiếp 20% năm 2026: Kết thúc năm 2025, EVF ghi nhận lợi nhuận trước thuế kỷ lục 1,104 tỷ đồng, tăng 57% so với năm trước và vượt 15% kế hoạch được giao. Đây cũng là lần đầu tiên doanh nghiệp bước chân vào “câu lạc bộ lãi nghìn tỷ”, đánh dấu bước tiến quan trọng trong quy mô hoạt động. Bước sang năm 2026, EVF tiếp tục đặt mục tiêu mở rộng quy mô hoạt động. Theo kế hoạch trình cổ đông, tổng tài sản dự kiến đạt 93,000 tỷ đồng, tăng khoảng 10,000 tỷ đồng so với đầu năm, tương ứng mức tăng trưởng 12%. Lợi nhuận trước thuế được đặt mục tiêu 1,325 tỷ đồng, tăng 20%.

VCI - Vietcap đặt mục tiêu lãi 2,300 tỷ đồng, phát hành 4.6 triệu cp ESOP trong năm 2026: CTCP Chứng khoán Vietcap vừa công bố tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2026, nêu rõ việc dự trình kế hoạch tổng doanh thu 6,525 tỷ đồng và lãi trước thuế 2,300 tỷ đồng, lần lượt tăng 30% và 41% so với thực hiện năm 2025, bên cạnh kế hoạch phát hành tối đa 4.6 triệu cp ESOP. Về cổ tức, HĐQT Vietcap dự trình kế hoạch chia dự kiến 5 - 12%.

KDC - KIDO muốn mua gần 14.5 triệu cổ phiếu quỹ: Sáng ngày 06/03/2026, CTCP Tập đoàn KIDO tổ chức ĐHĐCĐ bất thường. Trong năm 2026, công ty dự kiến mua lại gần 14.5 triệu cổ phiếu quỹ, tương đương khoảng 5% số cổ phiếu đang lưu hành. KIDO cho biết sẽ thực hiện từ quý 1/2026 đến quý 3/2026, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận đủ tài liệu báo cáo.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415